TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 5 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Quốc Trung

Ông Cao Văn Viết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2023/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1208/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Châu Văn B, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Thanh K, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Chung cư S tầng 2-B, số E T, thành phố H, tỉnh Aichi, Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2022; bản khai và văn bản xin vắng mặt ngày 03/8/2022, nguyên đơn ông Châu Văn B *trình bày:*

Ông và bà Võ Thị Thanh K tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân,có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện G, đã đượccấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 08/01/2015. Sau khi kết hôn được 02 tuần (khoảng tháng 2/2015) thì bà K sang Nhật Bản để làm việc, sinh sống, còn ông thì sinh sống tại Việt Nam. Thời gian đầu ông bà còn liên lạc với nhau qua điện thoại, bà K cũng có về nước để thăm ông. Tuy nhiên, vài năm trở lại đây thì ông bà không thường xuyên liên

lạc với nhau; năm 2021 bà K có về Việt Nam nhưng hai bên không gặp nhau. Vì khoảng cách địa lý, hai bên không thể thường xuyên gặp mặt nên tình cảm vợ chồng không còn. Ông nhận thấy vợ chồng không thể duy trì đời sống chung, các bên không thể vun đắp tình cảm. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông Châu Văn B yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị Thanh K,không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bận công việc nên không thể tham gia vụ kiện, nên ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án, bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Toà án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo văn bản nêu ý kiến của bị đơn bà Võ Thị Thanh K *trình bày:*

Bà Võ Thị Thanh K thống nhất với ông B về hoàn cảnh, điều kiện kết hôn cũng như những mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng ông bà không thể hàn gắn để tiếp tục duy tri cuộc hôn nhân này. Vì vậy, nay đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Châu Văn B thì bà có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị Thanh K đồng ý ly hôn với ông Châu Văn B.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, do bà đang làm việc và sinh sống tại Nhật Bản, không có điều kiện về Việt Nam tham gia vụ kiện nên bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa ông Châu Văn B và bà Võ Thị Thanh K1 ly hôn, nguyên đơn ông Châu Văn B có địa chỉ ở Việt Nam;bị đơn bà Võ Thị Thanh K hiện nay đang có địa chỉ ở Nhật Bản, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Châu Văn B và bà Võ Thị Thanh K có xác lập hôn nhân với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện G và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 08/01/2015 nên hôn nhân giữa ông Châu Văn B và bà Võ Thị Thanh K1 hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhận thấy, sau khi kết hôn, ông bà chung sống được khoảng thời gian ngắn thì bà K sang Nhật Bản để làm việc; bà K cũng có về Việt Nam để thăm ông nhưng số lần về nước cũng không nhiều, thời gian ở lại Việt Nam cũng không lâu. Thời gian đầu, bà K sang N thì các bên vẫn giữ liên lạc, tuy nhiên khoảng vài năm gần đây thì ông bà không còn liên lạc với nhau thường xuyên nữa. Do khoảng cách địa lý xa xôi, cả hai không có điều kiện để bồi đắp tình cảm cũng như giải quyết mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng. Vì vậy, ông Châu Văn B yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị Thanh K. Tòa án nhận được văn bản ý kiến của bà Võ Thị Thanh K2 việc bà cũng đồng ý ly hôn với ông B. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của ông B và bà K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông B yêu cầu ly hôn với bà K là có cơ sở nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, nhận thấy việc ông Châu Văn B yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Thanh K là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông B và bà K không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Ông B và bà K đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông B và bà K đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông B và bà K đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án cũng không nhận được yêu cầu giải quyết của bên thứ ba. Nếu sau này có sự tranh chấp thì các bên có liên quan có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Ông Châu Văn B phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Châu Văn B và bà Võ Thị Thanh K.

1.1. Về hôn nhân: Ông Châu Văn B được ly hôn với bà Võ Thị Thanh K.

1.2. Về con chung: Ông Châu Văn B và bà Võ Thị Thanh K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Ông Châu Văn B và bà Võ Thị Thanh K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Châu Văn B và bà Võ Thị Thanh K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu nào của đương sự có liên quan. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì bên có liên quan có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Châu Văn B1 chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001793 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Ông Châu Văn B đã nộp đủ án phí.

3. Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng là chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004556 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự Bến Tre.

4. Ông Châu Văn B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bà Võ Thị Thanh K được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- UBNDhuyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ngọt